



Thời Khóa Biểu Phòng
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A16-201 (Sức Chứa: 200)**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
MEC101	49D	03		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113131	90	3	12-----	6 8
ELE529	46H	02		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111109415	95	3	12-----	5
MEC303	BS01	07		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111105111	90	3	12-----	2
MEC201	50P	06		Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	3	12-----	0
BAS114	50X	07		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	112114181 ...	0	3	12-----	3
FIM207	50X	10		Pháp luật đại cương	PTT3	Dương Thị Thủy Linh	112114181 ...	0	3	12-----	7
FIM207	K1DT	01	1	Pháp luật đại cương	92307	Ngô T. Hồng ánh	112113471 ...	140	3	12-----	6
MEC205	48D	02		Cơ kỹ thuật 2	10110	Đặng Văn Hiếu	111112105	85	3	--34-----	7
MEC205	48D	01		Cơ kỹ thuật 2	10110	Đặng Văn Hiếu	111112105	85	3	--34-----	3 56789012345
BAS110	49I	03		Tư tưởng Hồ Chí Minh	70903	Nguyễn Thị Thu Hằng	111113461 ...	140	3	----56-----	678901234567
FIM517	46A	01		Kinh tế xây dựng	91007	Nguyễn Thị Thúy Hiền	111110201 ...	150	3	-----78----	3
MEC320	49I	03		Các hệ thống cơ khí	10201	Trần Anh Đức	111113461 ...	150	3	-----78----	678901234567
TEE203	49M			Lập trình trong kỹ thuật	42109	Trần Thị Thanh	111113571 ...	150	4	12-----	2
FIM207	50X			Pháp luật đại cương	PTT3	Dương Thị Thủy Linh	112114181 ...	0	4	12-----	6
FIM207	49F	11		Pháp luật đại cương	70901	Vũ Châu Hoàn	111113201 ...	150	4	12-----	6
TEE203	49K	12		Lập trình trong kỹ thuật	42107	Đặng Thị Hiền	111113463 ...	150	4	12-----	3
TEE203	49K	13		Lập trình trong kỹ thuật	42107	Đặng Thị Hiền	111113463 ...	150	4	12-----	5
TEE203	49K	02		Lập trình trong kỹ thuật	42107	Đặng Thị Hiền	111113463 ...	150	4	12-----	5 7 9
BAS114	50X	02		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	112114181 ...	0	4	12-----	8
FIM207	K1DT	04	1	Pháp luật đại cương	92307	Ngô T. Hồng ánh	112113471 ...	140	4	12-----	0
FIM207	K1DT	06	1	Pháp luật đại cương	92307	Ngô T. Hồng ánh	112113471 ...	140	4	12-----	2
FIM207	K1DT	08	1	Pháp luật đại cương	92307	Ngô T. Hồng ánh	112113471 ...	140	4	12-----	4
FIM501	49M			Quản trị doanh nghiệp CN	92110	Vũ Hồng Vân	111113571 ...	150	4	--34-----	2
FIM207	49D	02		Pháp luật đại cương	70904	Đinh Cảnh Nhac	111113131	150	4	--34-----	5678901234567
TEE203	49M	01		Lập trình trong kỹ thuật	42109	Trần Thị Thanh	111113571 ...	150	4	--34-----	3
FIM516	46A			Kết cấu thép 2	90905	Dương Việt Hà	111110201	100	4	----56-----	23 5
TEE207	K1DT			Tính toán kỹ thuật	42107	Đặng Thị Hiền	112113471 ...	85	4	----56-----	6
PED101	50Q1	07		Logic	50109	Nguyễn Thị Linh	111109416	5	4	----56-----	9
BAS112	50X	07		Vật lý II	70109	Đồng Thị Linh	112114471	0	4	----56-----	4
BAS114	50K			Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70904	Đinh Cảnh Nhac	111109112 ...	5	4	-----78----	5678901234567
MEC202	49A	04		Các quá trình gia công	12729	Ngô Minh Tuấn	111113101 ...	150	5	12-----	7
MEC101	49B	03		Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113103	85	5	12-----	7 9 1 3
FIM501	49M	02		Quản trị doanh nghiệp CN	92110	Vũ Hồng Vân	111113571 ...	150	5	12-----	5
BAS101	48C	01		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70905	Nguyễn Thị Vân	111112103 ...	150	5	12-----	3 6 8 0 2 4 6
TEE203	49M	04		Lập trình trong kỹ thuật	42109	Trần Thị Thanh	111113571 ...	150	5	--34-----	7

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
TEE203	49M	02		Lập trình trong kỹ thuật	42109	Trần Thị Thanh	111113571 ...	150	5	--34-----	5
TEE203	49M	06		Lập trình trong kỹ thuật	42109	Trần Thị Thanh	111113571 ...	150	5	--34-----	9
TEE203	49M	09		Lập trình trong kỹ thuật	42109	Trần Thị Thanh	111113571 ...	150	5	--34-----	3
ELE308	48H	11		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	5	--34-----	2
FIM303	48G	14		Hoá học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thủy	111112301	80	5	--34-----	4
FIM303	48G	12		Hoá học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thủy	111112301	80	5	--34-----	0
FIM101	50N	02		Môi trường và Con người	11012	Hoàng Thị Kim Dung	111109116 ...	5	5	--34-----	6
BAS114	50X	09		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	112114181 ...	0	5	--34-----	7
FIM207	50X	05		Pháp luật đại cương	PTT3	Dương Thị Thủy Linh	112114181 ...	0	5	--34-----	8
MEC201	50K			Đại cương về kỹ thuật	12612	Đỗ Thị Thu Hà	111109112 ...	5	5	----56-----	6 8 0 2 4 6
MEC201	50K	03		Đại cương về kỹ thuật	12612	Đỗ Thị Thu Hà	111109112 ...	5	5	----56-----	7
MEC201	50K	01		Đại cương về kỹ thuật	12612	Đỗ Thị Thu Hà	111109112 ...	5	5	----56-----	5 7 9 1 3
FIM517	46A	01		Kinh tế xây dựng	91007	Nguyễn Thị Thúy Hiền	111110201 ...	150	5	-----78---	3
BAS110	49N	04		Tư tưởng Hồ Chí Minh	70923	Ngô Thị Phương Thảo	111113531 ...	150	5	-----78---	7 8 9 0 1 2 3 4 6 7
BAS110	49N	02		Tư tưởng Hồ Chí Minh	70923	Ngô Thị Phương Thảo	111113531 ...	150	5	-----78---	5 6
TEE301	48H	12		Kỹ thuật đo lường 1	40208	Phạm Văn Thiêm	111112404	90	6	12-----	5
TEE301	48H	05		Kỹ thuật đo lường 1	40208	Phạm Văn Thiêm	111112404	90	6	12-----	8
TEE301	48H	01		Kỹ thuật đo lường 1	40208	Phạm Văn Thiêm	111112404	90	6	12-----	5
TEE301	48H	10		Kỹ thuật đo lường 1	40208	Phạm Văn Thiêm	111112404	90	6	12-----	2
TEE301	48H	09		Kỹ thuật đo lường 1	40208	Phạm Văn Thiêm	111112404	90	6	12-----	1
BAS114	50E	07	1	Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70911	Hoàngthị Hải Yến	111107414 ...	0	6	12-----	7
BAS114	50E	08	1	Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70911	Hoàngthị Hải Yến	111107414 ...	0	6	12-----	8
FIM207	49M			Pháp luật đại cương	70906	Lương Thị Thu Trang	111113571 ...	150	6	--34-----	2
BAS101	48D			Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70908	Nguyễn Thị Vân Anh	111112105 ...	150	6	--34-----	3 6 8 0 2 4
TEE203	49K	12		Lập trình trong kỹ thuật	42107	Đặng Thị Hiền	111113463 ...	150	6	--34-----	3
TEE203	49K	04		Lập trình trong kỹ thuật	42107	Đặng Thị Hiền	111113463 ...	150	6	--34-----	1
TEE203	49K	02		Lập trình trong kỹ thuật	42107	Đặng Thị Hiền	111113463 ...	150	6	--34-----	5 7 9
BAS101	48D	02		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70908	Nguyễn Thị Vân Anh	111112105 ...	150	6	--34-----	6
BAS101	48D	03		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70908	Nguyễn Thị Vân Anh	111112105 ...	150	6	--34-----	7
BAS108	50Q1			Toán 1(Đại số tuyến tính)	70012	Lê Bích Ngọc	111109416	5	6	----56-----	6 8 0
MEC202	49I	03		Các quá trình gia công	12710	Hà Đức Thuận	111113461 ...	150	6	----56-----	7 9 1 3 7
BAS108	50Q1	04		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70012	Lê Bích Ngọc	111109416	5	6	----56-----	5
BAS112	50X	05		Vật lý II	70109	Đông Thị Linh	112114471	0	6	----56-----	2
BAS108	50N			Toán 1(Đại số tuyến tính)	70009	Phan T. Văn Huyền	111109116	5	6	-----78---	5 7 9
FIM499	47D	06		Đấu thầu	92106	Lương Mai Uyên	111111731	90	6	-----78---	1
FIM499	47D	05		Đấu thầu	92106	Lương Mai Uyên	111111731	90	6	-----78---	0
BAS108	50N	03		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70009	Phan T. Văn Huyền	111109116	5	6	-----78---	3 5 7
PED101	50P			Logic	50503	Lê Thị Quỳnh Trang	111109412 ...	5	7	12-----	5 6 7
BAS114	50N	03		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	111109116 ...	5	7	12-----	8
PED101	50P	04		Logic	50503	Lê Thị Quỳnh Trang	111109412 ...	5	7	12-----	2 3 4 5 6
PED101	50P	03		Logic	50503	Lê Thị Quỳnh Trang	111109412 ...	5	7	12-----	1

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
PED101	50P	02		Logic	50503	Lê Thị Quỳnh Trang	111109412 ...	5	7	12-----	0
FIM207	49M	11		Pháp luật đại cương	70906	Lương Thị Thu Trang	111113571 ...	150	7	--34-----	45
FIM207	49M	01		Pháp luật đại cương	70906	Lương Thị Thu Trang	111113571 ...	150	7	--34-----	3
FIM207	49M	12		Pháp luật đại cương	70906	Lương Thị Thu Trang	111113571 ...	150	7	--34-----	6
MEC201	50P	06		Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	7	--34-----	0
FIM207	50X	04		Pháp luật đại cương	PTT3	Dương Thị Thủy Linh	112114181 ...	0	7	--34-----	7
MEC201	50V			Đại cương về kỹ thuật	12610	Lý Việt Anh	111109751 ...	5	7	----56-----	5
MEC537	46I1	02		Phương pháp PTHH và ứng dụng	10105	Ngô Như Khoa	111110151 ...	140	7	----56-----	8
MEC201	50V	03		Đại cương về kỹ thuật	12610	Lý Việt Anh	111109751 ...	5	7	----56-----	1 3
MEC201	50V	04		Đại cương về kỹ thuật	12610	Lý Việt Anh	111109751 ...	5	7	----56-----	5
MEC201	50V	06		Đại cương về kỹ thuật	12610	Lý Việt Anh	111109751 ...	5	7	----56-----	7
BAS114	50V			Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70916	Nguyễn Nam Hưng	111109751 ...	5	7	-----78---	5678
BAS114	50V	02		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70916	Nguyễn Nam Hưng	111109751 ...	5	7	-----78---	0123456
BAS114	50C			Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70918	Trương Vũ Long	111107413 ...	5	8	12-----	5
BAS114	50C	02		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70918	Trương Vũ Long	111107413 ...	5	8	12-----	7
BAS114	50X	06		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	112114181 ...	0	8	12-----	1
MEC202	49K			Các quá trình gia công	12710	Hà Đức Thuận	111113463 ...	150	8	--34-----	3

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo



Thời Khóa Biểu Phòng
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A16-202 (Sức Chứa: 100)**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THP	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
BAS205	49A	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	3	12-----	4
BAS205	49A	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	3	12-----	0
BAS205	49A	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	3	12-----	2
BAS205	49A	13		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	3	12-----	8
MEC101	49D	02		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113131	90	3	12-----	5 7 9 1 3 7
ELE205	49H1	12		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	3	12-----	6
ELE205	49H1	04		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	3	12-----	6
ELE205	49H1	02		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	3	12-----	3
TEE311	48Q	04		Kỹ thuật điện tử số	40008	Bạch Văn Nam	111112407	80	3	12-----	5
TEE411	47E	02		Kỹ thuật mạch điện tử	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111111511	80	3	--34-----	5
BAS205	49F	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	3	--34-----	1
BAS205	49F	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	3	--34-----	3
MEC303	48C	01		Nguyên lý máy	12610	Lý Việt Anh	111112103	85	3	--34-----	3 6 8 0 2 4 67
TEE303	48L	02		Kỹ thuật điện tử tương tự	40012	Phạm Duy Khánh	111112403	90	3	--34-----	5 7 9
ELE308	48H1	02		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111112405	80	3	----56-----	5678901234
ELE308	48H1	04		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111112405	80	3	----56-----	67
ELE308	48H1	03		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111112405	80	3	----56-----	5
MEC205	BS01	01		Cơ kỹ thuật 2	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111105114	90	3	----56-----	3
BAS205	49N1	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113451	85	3	-----78----	6
BAS205	49N1	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113451	85	3	-----78----	1
BAS205	49N1	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113451	85	3	-----78----	2
BAS205	49N1	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113451	85	3	-----78----	4
BAS205	49N1	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113451	85	3	-----78----	3
BAS205	49N1	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113451	85	3	-----78----	0
BAS205	49N1	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113451	85	3	-----78----	7
BAS205	49N1	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113451	85	3	-----78----	5
BAS205	49N1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113451	85	3	-----78----	56
BAS205	49N1	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113451	85	3	-----78----	789
TEE303	48H	01		Kỹ thuật điện tử tương tự	40010	Đặng Thị Ngọc ánh	111112404	90	4	12-----	3 6 8 0 2 4 6
TEE311	47E	01		Kỹ thuật điện tử số	40109	Nguyễn Phương Huy	111111511 ...	80	4	12-----	2 5 7 9 1 3 5 7
BAS401	48D	01		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111112105	80	4	--34-----	3 6 8 0 2 4 6
FIM316	48X	02		Vật liệu xây dựng	91101	Phạm Thị Hồng Hà	111112201	90	4	--34-----	5
FIM316	48X	01		Vật liệu xây dựng	91101	Phạm Thị Hồng Hà	111112201	90	4	--34-----	2 5 7 9 1 3
MEC316	BS01			Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	4	----56-----	3
FIM516	46A	06		Kết cấu thép 2	90905	Dương Việt Hà	111110201	100	4	----56-----	7

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
TEE520	46R	08		Các hệ thống Điện tử điển hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	4	----56-----	2
TEE520	46R	10		Các hệ thống Điện tử điển hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	4	----56-----	4
TEE520	46R	06		Các hệ thống Điện tử điển hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	4	----56-----	0
TEE520	46R	04		Các hệ thống Điện tử điển hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	4	----56-----	8
TEE520	46R	03		Các hệ thống Điện tử điển hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	4	----56-----	6
TEE520	46R	12		Các hệ thống Điện tử điển hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	4	----56-----	6
BAS108	50K1	01		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70017	Ngô Văn Giang	111109113	5	4	----56-----	5
ELE525	46N1	08		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	4	-----78----	3
ELE414	47N	02		Hệ thống cung cấp điện	20006	Lê Hồng Thái	111111414	85	4	-----78----	5
BAS205	49I	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	4	-----78----	7
BAS205	49O	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113452	85	4	-----78----	1
BAS108	50N	01		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70009	Phan T. Văn Huyền	111109116	5	4	-----78----	6 8 0 2 4 6
ELE414	K1DT	10		Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	4	-----78----	7
TEE303	48H			Kỹ thuật điện tử tương tự	40010	Đặng Thị Ngọc ánh	111112404	90	5	12-----	2
FIM316	48X			Vật liệu xây dựng	91101	Phạm Thị Hồng Hà	111112201	90	5	12-----	3 6 8 0 2 4 67
ELE201	48L	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22107	Nguyễn Văn Huỳnh	111112403	80	5	12-----	5 7 9 1 3
MEC201	48X	01		Đại cương về kỹ thuật	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	111112201	90	5	--34-----	3 6 8 0 2 4 6
FIM303	48G	06		Hoá học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thúy	111112301	80	5	--34-----	1
FIM303	48G	07		Hoá học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thúy	111112301	80	5	--34-----	9
FIM303	48G	05		Hoá học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thúy	111112301	80	5	--34-----	3
FIM303	48G	04		Hoá học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thúy	111112301	80	5	--34-----	5
ELE308	BS01			Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	5	----56-----	3
ELE309	48H1	01		Vật liệu điện	20503	Nguyễn Thị Thu Hường	111112405	85	5	----56-----	5678901234
ELE309	48H1	03		Vật liệu điện	20503	Nguyễn Thị Thu Hường	111112405	85	5	----56-----	67
MEC205	BS01			Cơ kỹ thuật 2	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111105114	90	5	-----78----	2
ELE308	48H1	02		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111112405	80	5	-----78----	5678901234
ELE308	48H1	04		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111112405	80	5	-----78----	67
MEC447	BS01			Công nghệ chế tạo phôi	10201	Trần Anh Đức	111105112	80	6	12-----	2
MEC532	46F1	01		Công nghệ Chế tạo máy 1	12705	Dương Trọng Đại	111110116	90	6	12-----	5
BAS210	49H1	04		Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	6	12-----	7
BAS210	49H1	09		Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	6	12-----	3
BAS210	49H1	06		Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	6	12-----	9
BAS205	49I1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Văn Huyền	111113462	85	6	12-----	5
FIM434	48V1	02		Kiểm toán căn bản	92205	Ma Thị Thu Thúy	111112751	80	6	12-----	6 8 0 2 4 67
MEC447	BS01	08		Công nghệ chế tạo phôi	10201	Trần Anh Đức	111105112	80	6	12-----	1
MEC441	47Q	02		Công nghệ chế tạo máy 1	12703	Hoàng Văn Quyết	111111113	80	6	--34-----	5
MEC101	49G	03		Vẽ kỹ thuật	12633	Đặng Anh Tuấn	111113301	80	6	--34-----	6 8 0 2 4 6
BAS401	BS02	02		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	6	--34-----	5
BAS401	BS02	01		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	6	--34-----	3
BAS401	BS02	15		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	6	--34-----	2

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
BAS401	BS02	17		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	6	--34-----	9
BAS401	BS02	18		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	6	--34-----	1
BAS401	BS02	19		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	6	--34-----	3
BAS205	49I	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	6	----56-----	5
ENG202	BS01	03		Pre- Intermediate 2			111108111	70	6	----56-----	6
MEC316	BS01	05		Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	6	----56-----	9
ELE402	K1DT	03		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	6	----56-----	8
ELE402	K1DT	08		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	6	----56-----	6
ELE205	49H	01		Kỹ thuật điện đại cương	22108	Đặng Ngọc Trung	111113751	85	6	-----78---	3 5678901234 67
ELE308	BS01	12		Lý thuyết điều khiển tự động	20226	Ngô Kiên Trung	111105111	80	6	-----78---	5
FIM516	46A	03		Kết cấu thép 2	90905	Dương Việt Hà	111110201	100	7	----56-----	5

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo



Thời Khóa Biểu Phòng
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A16-203 (Sức Chứa: 100)**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THP	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
BAS205	49G	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113301	85	3	12-----	5678901234567
MEC447	BS01	01		Công nghệ chế tạo phôi	10201	Trần Anh Đức	111105112	80	3	12-----	3
BAS210	49H1	01		Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	3	--34-----	3
ELE201	49N1	03		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22103	Đặng Danh Hoàng	111113451	80	3	--34-----	5 7 9 1 3 7
FIM316	48X	02		Vật liệu xây dựng	91101	Phạm Thị Hồng Hà	111112201	90	3	--34-----	5
MEC201	48V	03	1	Đại cương về kỹ thuật	12601	Vũ Ngọc Pi	111112751 ...	90	3	--34-----	6 8 0 2 4 6
BAS108	50K1			Toán 1(Đại số tuyến tính)	70017	Ngô Văn Giang	111109113	5	3	----56-----	6
MEC316	BS01			Chi tiết máy	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	115110111	70	3	----56-----	3
ELE502	46Q	11		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	3	----56-----	7
TEE520	46R	09		Các hệ thống Điện tử điện hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	3	----56-----	3
TEE520	46R	07		Các hệ thống Điện tử điện hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	3	----56-----	1
TEE520	46R	05		Các hệ thống Điện tử điện hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	3	----56-----	9
TEE520	46R	02		Các hệ thống Điện tử điện hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	3	----56-----	5 7
TEE520	46R	11		Các hệ thống Điện tử điện hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	3	----56-----	5
BAS401	BS01	20		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	3	----56-----	6
TEE533	46S	06		Điều khiển các quá trình Công nghệ	40202	Nguyễn Văn Chí	111110541	100	3	----56-----	0
TEE533	46S	01		Điều khiển các quá trình Công nghệ	40202	Nguyễn Văn Chí	111110541	100	3	----56-----	8
MEC553	46F1	01		Máy công cụ 2	12716	Dương Công Định	111110116 ...	90	3	-----78----	67
BAS205	49M	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	3	-----78----	8
BAS205	49M	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	3	-----78----	2
BAS205	49M	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	3	-----78----	0
TEE303	48H1	02		Kỹ thuật điện tử tương tự	40013	Nguyễn Hoàng Việt	111112405	90	3	-----78----	5 7 9 1 3 5
BAS108	50Q1	08		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70012	Lê Bích Ngọc	111109416	5	3	-----78----	4
FIM216	49H1			LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113752	80	4	12-----	2
MEC101	49A	03		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113101	85	4	12-----	5 7
BAS205	49I1	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Văn Huyền	111113462	85	4	12-----	9
BAS205	49I1	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Văn Huyền	111113462	85	4	12-----	0
BAS205	49I1	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Văn Huyền	111113462	85	4	12-----	6
BAS205	49I1	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Văn Huyền	111113462	85	4	12-----	2
BAS205	49I1	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Văn Huyền	111113462	85	4	12-----	4
ELE201	49M1	01		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111113572	80	4	12-----	3
ELE201	49M1	06		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111113572	80	4	12-----	8
MEC205	48A	11		Cơ kỹ thuật 2	10106	Nguyễn Thị Hoa	111112131	85	4	12-----	3
BAS401	BS02	08		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	4	12-----	1
MEC447	BS01	13		Công nghệ chế tạo phôi	10201	Trần Anh Đức	111105112	80	4	12-----	6

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
MEC204	49B	03		Cơ kỹ thuật 1	10106	Nguyễn Thị Hoa	111113103	85	4	--34-----	6 8 0 2 4 6
MEC101	49F	06		Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113201	85	4	--34-----	9 1
MEC204	49G	03		Cơ kỹ thuật 1	10116	Lê Quang Duy	111113301	85	4	--34-----	7
ELE205	49H1	03		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	4	--34-----	5
ELE205	49H1	01		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	4	--34-----	2
ELE205	49H1	10		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	4	--34-----	3
ELE205	49H1	02		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	4	--34-----	3
FIM330	48V	04	1	Luật kinh doanh	92307	Ngô T. Hồng ánh	111112751 ...	90	4	--34-----	5
ELE309	48L1	02		Vật liệu điện	20508	Nguyễn Tiến Dũng	111112406	85	4	----56-----	5678901234567
BAS301	47T	02		Nhiệt động lực học	10108	Đỗ Văn Quân	111111441	90	4	-----78---	5
BAS205	49I	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	4	-----78---	2
BAS205	49I	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	4	-----78---	8
BAS205	49I	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	4	-----78---	4
BAS205	49I	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	4	-----78---	6
BAS205	49I	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	4	-----78---	901
BAS205	49I	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	4	-----78---	6
BAS205	49O	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113452	85	4	-----78---	7
FIM216	49H1			LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113752	80	5	12-----	2
FIM216	49H1	11		LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113752	80	5	12-----	4 6
FIM216	49H1	01		LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113752	80	5	12-----	3 6
FIM216	49H1	09		LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113752	80	5	12-----	8 0
FIM216	49H1	10		LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113752	80	5	12-----	2
FIM305	48G	04		Kỹ thuật phản ứng	11007	Hoàng Lê Phương	111112301	80	5	12-----	7
FIM305	48G	03		Kỹ thuật phản ứng	11007	Hoàng Lê Phương	111112301	80	5	12-----	5
FIM305	48G	05		Kỹ thuật phản ứng	11007	Hoàng Lê Phương	111112301	80	5	12-----	9
FIM305	48G	07		Kỹ thuật phản ứng	11007	Hoàng Lê Phương	111112301	80	5	12-----	3
BAS205	49B	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113103	85	5	--34-----	6
BAS205	49B	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113103	85	5	--34-----	78901234
BAS205	49B	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113103	85	5	--34-----	7
BAS205	49D	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70002	Phạm Thị Thu Hằng	111113131	90	5	--34-----	56
BAS210	49H			Xác suất và thống kê	70011	Vũ Hồng Quân	111113751	80	5	----56-----	3 6 8 0 2 4
BAS210	49H	04		Xác suất và thống kê	70011	Vũ Hồng Quân	111113751	80	5	----56-----	6
ELE201	48L1	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111112406	80	5	----56-----	5 7 9 1 3
BAS108	50Q1	05		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70012	Lê Bích Ngọc	111109416	5	5	----56-----	7
BAS111	50K1			Vật lý I	70106	Phạm Thị Ngọc Dung	111109113	5	5	-----78---	5 7 9 1 3
MEC202	48P	03		Các quá trình gia công	12625	Nguyễn Văn Dự	111112408	85	5	-----78---	6 8 0 2 4 6
BAS111	50K1	03		Vật lý I	70106	Phạm Thị Ngọc Dung	111109113	5	5	-----78---	7
MEC204	49C	03		Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113105	85	6	12-----	6 8 0 2 4 67
MEC101	49G	05		Vẽ kỹ thuật	12633	Đặng Anh Tuấn	111113301	80	6	12-----	5
ELE201	49M1	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22105	Trần Thị Thanh Hải	111113572	80	6	12-----	5 7 9 1 3
TEE424	47F	02		Đo lường và Thông tin công nghiệp	40212	Nguyễn Thị Thanh Quỳnh	111111521	80	6	--34-----	5

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
ELE205	49H1	12		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	6	--34-----	6
BAS205	49I1	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Văn Huyền	111113462	85	6	--34-----	7
BAS205	49I1	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Văn Huyền	111113462	85	6	--34-----	6
BAS205	49I1	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Văn Huyền	111113462	85	6	--34-----	2
BAS205	49I1	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Văn Huyền	111113462	85	6	--34-----	4
BAS205	49K1	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	6	--34-----	8
FIM214	48V	02	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	6	--34-----	5
BAS401	BS02	07		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	6	--34-----	0
MEC303	BS01	08		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111105111	90	6	--34-----	3
BAS109	50V	03		Toán 2(Giải tích 1)	70022	Phạm Thị Thu	111109751	5	6	--34-----	1
MEC447	BS01	06		Công nghệ chế tạo phôi	10201	Trần Anh Đức	111105112	80	6	--34-----	9
ELE402	K1DT			Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	6	----56-----	6
FIM497	48V	02		Giao tiếp kinh doanh	92310	Nguyễn Phương Huyền	111112731	80	6	----56-----	5 7
BAS108	50K1			Toán 1(Đại số tuyến tính)	70017	Ngô Văn Giang	111109113	5	6	-----78----	6
BAS111	50K1			Vật lý I	70106	Phạm Thị Ngọc Dung	111109113	5	6	-----78----	5 7 9 1 3
BAS108	50K1	07		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70017	Ngô Văn Giang	111109113	5	6	-----78----	0 2 4 6
BAS108	50K1	03		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70017	Ngô Văn Giang	111109113	5	6	-----78----	8
BAS111	50K1	03		Vật lý I	70106	Phạm Thị Ngọc Dung	111109113	5	6	-----78----	7
BAS111	50K1	02		Vật lý I	70106	Phạm Thị Ngọc Dung	111109113	5	6	-----78----	5

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo



Thời Khóa Biểu Phòng
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A16-301 (Sức Chứa: 200)**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THP	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
BAS205	49A	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	3	12-----	5
ELE205	49H1	03		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	3	12-----	5
ELE201	48L	06		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22107	Nguyễn Văn Huỳnh	111112403	80	3	12-----	6
ELE201	48L	04		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22107	Nguyễn Văn Huỳnh	111112403	80	3	12-----	6 8 0 2 4
MEC201	50P	09		Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	3	12-----	7
MEC201	50P	02		Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	3	12-----	1 3
MEC528	46F1	01		Tự động hoá gia công	12728	Nguyễn Thuần	111110116	90	3	--34-----	3
BAS110	49H	04		Tư tưởng Hồ Chí Minh	70907	Phạm Thị Cẩm Ly	111113751 ...	140	3	--34-----	7
BAS110	49H	08		Tư tưởng Hồ Chí Minh	70907	Phạm Thị Cẩm Ly	111113751 ...	140	3	--34-----	1
BAS110	49H	10		Tư tưởng Hồ Chí Minh	70907	Phạm Thị Cẩm Ly	111113751 ...	140	3	--34-----	3
BAS210	49H1	13		Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	3	--34-----	4 6
BAS210	49H1	12		Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	3	--34-----	2
BAS210	49H1	05		Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	3	--34-----	8
BAS210	49H1	07		Xác suất và thống kê	70017	Ngô Văn Giang	111113752	80	3	--34-----	0
TEE203	49O	04		Lập trình trong kỹ thuật	42103	Nguyễn Thị Hương	111113452 ...	150	3	--34-----	5
BAS114	50P	05		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nường	111109412 ...	5	3	--34-----	9
TEES20	46R	13		Các hệ thống Điện tử điện hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	3	----56-----	7
BAS401	BS01	14		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	3	----56-----	9
BAS401	BS01	12		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	3	----56-----	7
MEC201	50K	02		Đại cương về kỹ thuật	12612	Đỗ Thị Thu Hà	111109112 ...	5	3	----56-----	5
MEC201	50K			Đại cương về kỹ thuật	12612	Đỗ Thị Thu Hà	111109112 ...	5	3	-----78---	6 8 0 2 4 6
FIM204	49H	02		Kinh tế học vi mô	92302	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	111113751	80	3	-----78---	5 7 9 1 3 5 7
MEC201	50N			Đại cương về kỹ thuật	12601	Vũ Ngọc Pi	111109116 ...	5	4	12-----	5
MEC203	48C	01		Cơ học vật liệu	10102	Dương Phạm Tường Minh	111112103	85	4	12-----	3 6 8 0 2 4 6
MEC201	50N	05		Đại cương về kỹ thuật	12601	Vũ Ngọc Pi	111109116 ...	5	4	12-----	5
MEC201	50N	06		Đại cương về kỹ thuật	12601	Vũ Ngọc Pi	111109116 ...	5	4	12-----	7
MEC201	50N	04		Đại cương về kỹ thuật	12601	Vũ Ngọc Pi	111109116 ...	5	4	12-----	3
MEC201	50N	02		Đại cương về kỹ thuật	12601	Vũ Ngọc Pi	111109116 ...	5	4	12-----	1
MEC201	50N	09		Đại cương về kỹ thuật	12601	Vũ Ngọc Pi	111109116 ...	5	4	12-----	9
MEC201	50N	03		Đại cương về kỹ thuật	12601	Vũ Ngọc Pi	111109116 ...	5	4	12-----	7
BAS301	48L	04		Nhiệt động lực học	12907	Nguyễn Khắc Tuấn	111112403	80	4	--34-----	5
BAS301	48L	02		Nhiệt động lực học	12907	Nguyễn Khắc Tuấn	111112403	80	4	--34-----	5 7 9 1 3
MEC201	48V	03	1	Đại cương về kỹ thuật	12601	Vũ Ngọc Pi	111112751 ...	90	4	--34-----	6 8 0 2 4 6
BAS114	50Q	09		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70914	Dương Thị Nhẫn	111109414 ...	5	4	--34-----	7
BAS205	49B1	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	4	----56-----	56

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
BAS108	50K1	07		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70017	Ngô Văn Giang	111109113	5	4	----56-----	0 2 4 6
BAS108	50K1	04		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70017	Ngô Văn Giang	111109113	5	4	----56-----	9
BAS108	50K1	03		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70017	Ngô Văn Giang	111109113	5	4	----56-----	8
PED101	50Q1	09		Logic	50109	Nguyễn Thị Linh	111109416	5	4	----56-----	1
PED101	50Q1	13		Logic	50109	Nguyễn Thị Linh	111109416	5	4	----56-----	7
MEC201	50V			Đại cương về kỹ thuật	12610	Lý Việt Anh	111109751 ...	5	4	-----78----	5
ELE525	46N1	04		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	4	-----78----	9
ELE525	46N1	02		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	4	-----78----	7
BAS108	50P1	02		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70000	Ôn Ngũ Minh	111109413	5	4	-----78----	5
PED101	50Q1	11		Logic	50109	Nguyễn Thị Linh	111109416	5	4	-----78----	3
BAS104	50Q1	04		Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109416	5	4	-----78----	1
TEE301	48D			Kỹ thuật đo lường 1	40202	Nguyễn Văn Chí	111112105	90	5	12-----	23
MEC202	49A	02		Các quá trình gia công	12729	Ngô Minh Tuấn	111113101 ...	150	5	12-----	5 7 9 1 3
BAS205	49F	13		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	5	12-----	6
BAS205	49F	14		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	5	12-----	7
FIM501	49M	03		Quản trị doanh nghiệp CN	92110	Vũ Hồng Vân	111113571 ...	150	5	12-----	6
TEE301	48D	06		Kỹ thuật đo lường 1	40202	Nguyễn Văn Chí	111112105	90	5	12-----	8
BAS114	50N	07		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	111109116 ...	5	5	12-----	0
BAS114	50N	10		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	111109116 ...	5	5	12-----	2
BAS114	50N	12		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	111109116 ...	5	5	12-----	4
BAS401	48D			Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111112105	80	5	--34-----	2
FIM101	50N			Môi trường và Con người	11012	Hoàng Thị Kim Dung	111109116 ...	5	5	--34-----	5
BAS110	49H	07		Tư tưởng Hồ Chí Minh	70907	Phạm Thị Cẩm Ly	111113751 ...	140	5	--34-----	0
BAS110	49H	03		Tư tưởng Hồ Chí Minh	70907	Phạm Thị Cẩm Ly	111113751 ...	140	5	--34-----	6
BAS110	49H	05		Tư tưởng Hồ Chí Minh	70907	Phạm Thị Cẩm Ly	111113751 ...	140	5	--34-----	8
BAS401	48D	07		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111112105	80	5	--34-----	1
BAS401	48D	06		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111112105	80	5	--34-----	9
FIM101	50N	10		Môi trường và Con người	11012	Hoàng Thị Kim Dung	111109116 ...	5	5	--34-----	4
FIM101	50N	11		Môi trường và Con người	11012	Hoàng Thị Kim Dung	111109116 ...	5	5	--34-----	23
FIM101	50N	04		Môi trường và Con người	11012	Hoàng Thị Kim Dung	111109116 ...	5	5	--34-----	7
BAS114	50P	11		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nương	111109412 ...	5	5	--34-----	6
ELE502	46Q	09		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	5	----56-----	9
PED101	50Q1	12		Logic	50109	Nguyễn Thị Linh	111109416	5	5	----56-----	4
PED101	50Q1	05		Logic	50109	Nguyễn Thị Linh	111109416	5	5	----56-----	6
FIM204	50V	02		Kinh tế học vi mô	92302	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	111109731 ...	0	5	----56-----	1 3
FIM204	50V	01		Kinh tế học vi mô	92302	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	111109731 ...	0	5	----56-----	5
FIM204	50V	06		Kinh tế học vi mô	92302	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	111109731 ...	0	5	----56-----	7
PED101	50Q1			Logic	50109	Nguyễn Thị Linh	111109416	5	5	-----78----	5
FIM517	46A	03		Kinh tế xây dựng	91007	Nguyễn Thị Thúy Hiền	111110201 ...	150	5	-----78----	8 0 2 4 6

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
TEE203	49I	05		Lập trình trong kỹ thuật	42101	Nguyễn Thị Phương Nhung	111113461 ...	150	5	-----78---	7
TEE203	49I	10		Lập trình trong kỹ thuật	42101	Nguyễn Thị Phương Nhung	111113461 ...	150	5	-----78---	3
TEE203	49I	03		Lập trình trong kỹ thuật	42101	Nguyễn Thị Phương Nhung	111113461 ...	150	5	-----78---	7 9
FIM207	49A	02		Pháp luật đại cương	PTT3	Dương Thị Thủy Linh	111113101 ...	150	6	12-----	5678901234567
BAS101	48F			Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70922	Nguyễn Thị Nga	111112501 ...	150	6	--34-----	2 5 7 9 1 3 5 7
BAS101	48F	01		Đường lối cách mạng của ĐCSVN	70922	Nguyễn Thị Nga	111112501 ...	150	6	--34-----	3 6 8 0 2 4 6
FIM101	50K			Môi trường và Con người	11011	Lê Thu Hà	111109112 ...	5	6	----56-----	567890123456
FIM101	50K	01		Môi trường và Con người	11011	Lê Thu Hà	111109112 ...	5	6	----56-----	7
FIM499	47D	04		Đấu thầu	92106	Lương Mai Uyên	111111731	90	6	-----78---	8
ELE529	46N	06		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111110413 ...	95	6	-----78---	7 9
ELE529	46N	02		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111110413 ...	95	6	-----78---	1
FIM204	50V	04		Kinh tế học vi mô	92302	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	111109731 ...	0	6	-----78---	5
PED101	50P	01		Logic	50503	Lê Thị Quỳnh Trang	111109412 ...	5	7	12-----	8 9
BAS114	50X	11		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	112114181 ...	0	7	12-----	7
FIM207	50X	06		Pháp luật đại cương	PTT3	Dương Thị Thủy Linh	112114181 ...	0	7	12-----	1
MEC201	50P	04		Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	7	--34-----	8
ELE502	46Q	01		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	7	----56-----	5
BAS114	50C	05		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70918	Trương Vũ Long	111107413 ...	5	8	12-----	5
BAS114	50C	04		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70918	Trương Vũ Long	111107413 ...	5	8	12-----	01234

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo



Thời Khóa Biểu Phòng
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A16-302 (Sức Chứa: 100)**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THP	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
BAS205	49M1	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70020	Hoàng Thanh Nga	111113572	85	3	12-----	3
BAS205	49M1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70020	Hoàng Thanh Nga	111113572	85	3	12-----	5678901234567
MEC204	49A	02		Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113101	85	3	--34-----	5 7 9 1 3 7
MEC101	49G	03		Vẽ kỹ thuật	12633	Đặng Anh Tuấn	111113301	80	3	--34-----	6 8 0 2 4 6
ELE502	46Q	10		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	3	----56-----	0
TEE520	46R	04		Các hệ thống Điện tử điển hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	3	----56-----	8
FIM208	48V	02		Quản trị học	92104	Trần Thị Thu Huyền	111112731	80	3	----56-----	5 7 9 1 3 5
BAS104	50Q1	08		Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109416	5	3	----56-----	4 6
BAS104	50Q1	06		Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109416	5	3	----56-----	2
BAS104	50Q1	01		Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109416	5	3	----56-----	6
BAS205	49N	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70020	Hoàng Thanh Nga	111113531	85	3	-----78---	5678901234567
BAS205	49B	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113103	85	4	12-----	5
TEE311	48Q	03		Kỹ thuật điện tử số	40008	Bạch Văn Nam	111112407	80	4	12-----	6 8 0 2 4 6
BAS401	BS02	06		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	4	12-----	9
MEC303	BS01	08		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111105111	90	4	12-----	3
FIM207	K1DT	05	1	Pháp luật đại cương	92307	Ngô T. Hồng ánh	112113471 ...	140	4	12-----	1
ELE308	48H	13		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	4	--34-----	4
ELE308	48H	09		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	4	--34-----	0
ELE308	48H	05		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	4	--34-----	9
ELE308	48H	01		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	4	--34-----	5
ELE308	48H	02		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	4	--34-----	67
ELE308	48H	10		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	4	--34-----	1
ELE308	48H	07		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	4	--34-----	7
ELE308	48H	11		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	4	--34-----	2
ELE308	48H	12		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	4	--34-----	3
FIM207	K1DT	03	1	Pháp luật đại cương	92307	Ngô T. Hồng ánh	112113471 ...	140	4	--34-----	8
FIM325	48V	01		Kế toán quản trị 2	92203	Dương Hương Lam	111112731	90	4	----56-----	5678901234567
MEC205	BS01	12		Cơ kỹ thuật 2	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111105114	90	4	----56-----	2
MEC203	BS01			Cơ học vật liệu	12634	Nguyễn Quang Hưng	111105113	90	4	-----78---	2
ELE414	K1DT			Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	4	-----78---	6
BAS301	48H1	02		Nhiệt động lực học	30004	Lê Văn Quỳnh	111112405	80	4	-----78---	5 7 9 1 3 5 7
MEC101	49G	04		Vẽ kỹ thuật	12633	Đặng Anh Tuấn	111113301	80	5	12-----	7
MEC101	49G	02		Vẽ kỹ thuật	12633	Đặng Anh Tuấn	111113301	80	5	12-----	5 7 9 1 3
FIM319	48V1	03		Kế toán tài chính I	92202	Nguyễn Thị Kim Huyền	111112751	90	5	12-----	6 8 0 2 4 6
BAS112	49F	06		Vật lý II	70109	Đông Thị Linh	111113201	90	5	--34-----	8

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
MEC204	49G	04		Cơ kỹ thuật 1	10116	Lê Quang Duy	111113301	85	5	--34-----	9 1 3
ELE205	49H1	11		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	5	--34-----	4
FIM216	49H1	03		LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113752	80	5	--34-----	7
FIM216	49H1	08		LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113752	80	5	--34-----	7
BAS205	49I1	13		Toán 3 (Giải tích 2)	70009	Phan T. Văn Huyền	111113462	85	5	--34-----	6
BAS205	49K1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	5	--34-----	5
BAS205	49K1	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	5	--34-----	6
BAS205	49K1	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	5	--34-----	0
BAS205	49K1	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	5	--34-----	2
BAS205	49C1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70008	Nguyễn Thị Phương	111113106	85	5	----56-----	5678901234
MEC205	BS01	13		Cơ kỹ thuật 2	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111105114	90	5	----56-----	6
TEE408	K1DT	09		Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	112113471 ...	85	5	----56-----	7
BAS205	49B1	08		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	5	-----78----	9
BAS205	49B1	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	5	-----78----	0
BAS205	49B1	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	5	-----78----	7
BAS205	49B1	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	5	-----78----	56
BAS205	49B1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	5	-----78----	6
BAS205	49B1	07		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	5	-----78----	8
BAS205	49B1	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	5	-----78----	1
BAS205	49B1	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	5	-----78----	3
BAS205	49B1	13		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	5	-----78----	7
BAS205	49B1	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	5	-----78----	4
BAS205	49B1	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	5	-----78----	2
BAS112	49F	10		Vật lý II	70109	Đồng Thị Linh	111113201	90	6	12-----	6
ELE309	48Q	02		Vật liệu điện	20504	Nguyễn Thị Ngọc Dung	111112407	85	6	12-----	56789012345 7
MEC201	48X	03		Đại cương về kỹ thuật	12607	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	111112201	90	6	--34-----	5
FIM214	48V	06	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	6	--34-----	1
FIM214	48V	05	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	6	--34-----	9
FIM214	48V	04	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	6	--34-----	7
ELE529	46M	06		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111110411 ...	95	6	--34-----	2
BAS401	BS02	11		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	6	--34-----	4
BAS401	BS02	05		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	6	--34-----	8
BAS401	BS02	03		Cơ học Chất lỏng	10112	Nguyễn Thị Hiền	111105112	80	6	--34-----	6
BAS109	50V	11		Toán 2(Giải tích 1)	70022	Phạm Thị Thu	111109751	5	6	--34-----	6
MEC447	BS01	10		Công nghệ chế tạo phôi	10201	Trần Anh Đức	111105112	80	6	--34-----	3
MEC447	BS01	07		Công nghệ chế tạo phôi	10201	Trần Anh Đức	111105112	80	6	--34-----	0
ELE201	49M	06		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22106	Lê Thị Huyền Linh	111113571	80	6	----56-----	0 2 456
BAS112	50X	01		Vật lý II	70109	Đồng Thị Linh	112114471	0	6	----56-----	7
BAS112	50X	04		Vật lý II	70109	Đồng Thị Linh	112114471	0	6	----56-----	1
BAS104	50Q1			Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109416	5	6	-----78----	5
BAS104	50Q1	10		Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109416	5	6	-----78----	7

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
BAS104	50Q1	09		Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109416	5	6	-----78----	5
BAS104	50Q1	07		Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109416	5	6	-----78----	3
BAS104	50Q1	03		Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109416	5	6	-----78----	9
BAS108	50X	08		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114471	0	6	-----78----	1
ELE414	K1DT	04		Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	6	-----78----	8

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo



Thời Khóa Biểu Phòng
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A16-303 (Sức Chứa: 100)**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THP	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
BAS205	49A	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70013	Ngô Thành Trung	111113101	85	3	12-----	67
MEC101	49C	03		Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113105	85	3	12-----	6 8 0 2 4
ELE205	49H1	10		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	3	12-----	3
ELE205	49H1	05		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	3	12-----	7
ELE205	49H1	07		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	3	12-----	9
BAS205	49K1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113464	85	3	12-----	5
ELE201	49P1	12		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22104	Ngô Xuân Hòa	111113455	80	3	12-----	5
MEC303	BS01	06		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111105111	90	3	12-----	1
BAS205	49F	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70000	Ôn Ngũ Minh	111113201	85	3	--34-----	7
ELE201	49N1	02		Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	22103	Đặng Danh Hoàng	111113451	80	3	--34-----	6 8 0 2 4 5 6
FIM303	48G	07		Hóa học môi trường	11003	Nguyễn Thị Thu Thủy	111112301	80	3	--34-----	9
ELE205	49H	01		Kỹ thuật điện đại cương	22108	Đặng Ngọc Trung	111113751	85	3	----56-----	3 5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 6 7
BAS401	BS01	08		Cơ học Chất lỏng	10114	Phạm Đức Ngọc	111105111	80	3	----56-----	5
BAS205	49M	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	3	-----78---	4
BAS205	49M	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	3	-----78---	5
BAS205	49M	13		Toán 3 (Giải tích 2)	70015	Phạm Thị Minh Hạnh	111113571	85	3	-----78---	6 7
BAS108	50Q1	07		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70012	Lê Bích Ngọc	111109416	5	3	-----78---	2
PED402	47Y	01		Giáo dục học	50502	Trần Thị Vân Anh	111111611	70	3	-----78---	6
ELE402	K1DT	06		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	3	-----78---	3
BAS205	49G	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113301	85	4	12-----	5 6 7 8 9 0 1 2 3 4 5 6 7
MEC101	49C	03		Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113105	85	4	--34-----	6 8 0 2 4
MEC101	49C	04		Vẽ kỹ thuật	12619	Lê Thị Phương Thảo	111113105	85	4	--34-----	6
MEC101	49F	08		Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113201	85	4	--34-----	5
MEC101	49F	02		Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113201	85	4	--34-----	5 7
MEC101	49F	07		Vẽ kỹ thuật	12620	Bùi Thanh Hiền	111113201	85	4	--34-----	3
ELE205	49H1	07		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	4	--34-----	9
MEC303	BS01	06		Nguyên lý máy	12632	Trần Minh Quang	111105111	90	4	--34-----	1
FIM216	49H			LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113751	80	4	----56-----	2
FIM216	49H	02		LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113751	80	4	----56-----	5 7 9 1 3 5 7
BAS401	48C1	02		Cơ học Chất lỏng	10107	Lê Xuân Long	111112104	80	4	----56-----	6 8 0 2 4 6
MEC307	BS01			Vẽ kỹ thuật Cơ khí	12615	Phạm Chí Thời	111105114	90	4	-----78---	2
BAS108	50X			Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114471	0	4	-----78---	6
MEC202	48P	02		Các quá trình gia công	12625	Nguyễn Văn Dự	111112408	85	4	-----78---	5 7 9 1 3 5 7
TEE533	46S	08		Điều khiển các quá trình Công nghệ	40202	Nguyễn Văn Chí	111110541	100	4	-----78---	2
TEE533	46S	01		Điều khiển các quá trình Công nghệ	40202	Nguyễn Văn Chí	111110541	100	4	-----78---	8

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
TEE533	46S	10		Điều khiển các quá trình Công nghệ	40202	Nguyễn Văn Chí	111110541	100	4	-----78----	4
TEE533	46S	12		Điều khiển các quá trình Công nghệ	40202	Nguyễn Văn Chí	111110541	100	4	-----78----	6
ELE414	K1DT	03		Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	4	-----78----	0
BAS205	49O1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113453	85	5	12-----	67
BAS205	49O1	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113453	85	5	12-----	5678901234
MEC101	49A	05		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113101	85	5	--34-----	1 3 6
MEC101	49A	03		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113101	85	5	--34-----	5 7
MEC101	49A	01		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113101	85	5	--34-----	2
MEC101	49A	04		Vẽ kỹ thuật	12615	Phạm Chí Thời	111113101	85	5	--34-----	9
ELE205	49H1	09		Kỹ thuật điện đại cương	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111113752	85	5	--34-----	2
TEE311	48L	03		Kỹ thuật điện tử số	40011	Nguyễn Thị Hải Ninh	111112403	80	5	--34-----	6
MEC447	BS01	05		Công nghệ chế tạo phôi	10201	Trần Anh Đức	111105112	80	5	--34-----	8
MEC447	BS01	11		Công nghệ chế tạo phôi	10201	Trần Anh Đức	111105112	80	5	--34-----	4
BAS108	50X1	03		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114171 ...	0	5	--34-----	0
MEC204	49B1	02		Cơ kỹ thuật 1	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111113104	85	5	----56-----	5 7 9 1 3
MEC205	BS01	03		Cơ kỹ thuật 2	10113	Nguyễn Thị Kim Thoa	111105114	90	5	----56-----	6
BAS108	50X	09		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114471	0	5	----56-----	2
FIM213	49H			Nguyên Lý thống kê	92309	Phan Thị Thanh Tâm	111113751	80	5	-----78----	3 6 8 0 2 4
TEE545	46Z	06		Giới thiệu về thiết kế VLSI	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111110531	80	5	-----78----	6
FIM213	49H	03		Nguyên Lý thống kê	92309	Phan Thị Thanh Tâm	111113751	80	5	-----78----	7
ELE403	K1DT	02		Vật liệu- khí cụ điện	20500	Nguyễn Quốc Hiệu	112113471 ...	85	5	-----78----	7
ELE303	48F	02		Cơ sở lý thuyết trường điện từ	22110	Dương Thị Quỳnh Nga	111112501	80	6	12-----	5678901234567
FIM212	48G	09		Hóa phân tích	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111112301	80	6	--34-----	3
FIM212	48G	08		Hóa phân tích	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111112301	80	6	--34-----	1
FIM212	48G	02		Hóa phân tích	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111112301	80	6	--34-----	6
FIM212	48G	07		Hóa phân tích	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111112301	80	6	--34-----	2
FIM212	48G	03		Hóa phân tích	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111112301	80	6	--34-----	7
FIM212	48G	06		Hóa phân tích	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111112301	80	6	--34-----	0
FIM212	48G	04		Hóa phân tích	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111112301	80	6	--34-----	8
FIM212	48G	05		Hóa phân tích	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111112301	80	6	--34-----	9
BAS111	50X1	08		Vật lý I	70114	Nguyễn Thị Thu Hoàn	112114171 ...	0	6	--34-----	6
BAS111	50X1	07		Vật lý I	70114	Nguyễn Thị Thu Hoàn	112114171 ...	0	6	--34-----	4
TEE303	47Z	02		Kỹ thuật điện tử tương tự	40109	Nguyễn Phương Huy	111111131	100	6	----56-----	5
BAS401	48C1	03		Cơ học Chất lỏng	10107	Lê Xuân Long	111112104	80	6	----56-----	5 7 0 2 4 67
ELE402	K1DT	06		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	6	----56-----	3
ELE402	K1DT	04		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	6	----56-----	1

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
-------	------	-----	----	-------------	------	-------------	-----	-------------	-----	----------	----------------------------------

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo



Thời Khóa Biểu Phòng
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A16-401 (Sức Chứa: 200)**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	Thp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
FIM342	48V	08		Lịch sử học thuyết kinh tế	92301	Nguyễn Trường Giang	111112751 ...	120	3	12-----	5678901234567
MEC320	49K	02		Các hệ thống cơ khí	10801	Hồ Kỳ Thanh	111113463 ...	150	3	--34-----	5678901234567
ELE502	46Q	02		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	3	----56-----	6
ELE502	46Q	04		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	3	----56-----	2
ELE502	46Q	08		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	3	----56-----	78
ELE502	46Q	12		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	3	----56-----	34
TEE520	46R	06		Các hệ thống Điện tử điển hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	3	----56-----	0
BAS111	50K1	02		Vật lý I	70106	Phạm Thị Ngọc Dung	111109113	5	3	-----78----	5
FIM207	49F	14		Pháp luật đại cương	70901	Vũ Châu Hoàn	111113201 ...	150	4	12-----	7
MEC201	50N	08		Đại cương về kỹ thuật	12601	Vũ Ngọc Pi	111109116 ...	5	4	12-----	8 0 2 4 6
MEC201	50N	01		Đại cương về kỹ thuật	12601	Vũ Ngọc Pi	111109116 ...	5	4	12-----	6
MEC201	50P	01		Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	4	12-----	5
BAS114	50N			Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	111109116 ...	5	4	--34-----	5
TEE203	49M	05		Lập trình trong kỹ thuật	42109	Trần Thị Thanh	111113571 ...	150	4	--34-----	8
TEE203	49M	07		Lập trình trong kỹ thuật	42109	Trần Thị Thanh	111113571 ...	150	4	--34-----	0 2
TEE203	49M	13		Lập trình trong kỹ thuật	42109	Trần Thị Thanh	111113571 ...	150	4	--34-----	6
TEE203	49M	12		Lập trình trong kỹ thuật	42109	Trần Thị Thanh	111113571 ...	150	4	--34-----	4
BAS114	50N	09		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	111109116 ...	5	4	--34-----	7
BAS114	50N	11		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	111109116 ...	5	4	--34-----	3
BAS114	50P	01		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nường	111109412 ...	5	4	--34-----	6
MEC201	50P	13		Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	4	--34-----	9
MEC201	50P	08		Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	4	--34-----	5
MEC201	50P	03		Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	4	--34-----	7
FIM516	46A	09		Kết cấu thép 2	90905	Dương Việt Hà	111110201	100	4	----56-----	0
FIM516	46A	11		Kết cấu thép 2	90905	Dương Việt Hà	111110201	100	4	----56-----	4
FIM516	46A	07		Kết cấu thép 2	90905	Dương Việt Hà	111110201	100	4	----56-----	8
FIM516	46A	02		Kết cấu thép 2	90905	Dương Việt Hà	111110201	100	4	----56-----	2
FIM516	46A	05		Kết cấu thép 2	90905	Dương Việt Hà	111110201	100	4	----56-----	6
BAS205	49B1	02		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	4	----56-----	6
BAS108	50K1	08		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70017	Ngô Văn Giang	111109113	5	4	----56-----	1 3 5 7
BAS104	50Q1	12		Hóa học đại cương	70200	Nguyễn Thị Thanh Hoa	111109416	5	4	----56-----	7
BAS205	49O	11		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113452	85	4	-----78----	4
BAS205	49O	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113452	85	4	-----78----	2
BAS205	49O	13		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113452	85	4	-----78----	6
BAS205	49O	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113452	85	4	-----78----	8

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	Thp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
MEC201	50V	03		Đại cương về kỹ thuật	12610	Lý Việt Anh	111109751 ...	5	4	-----78----	1 3
MEC201	50V	04		Đại cương về kỹ thuật	12610	Lý Việt Anh	111109751 ...	5	4	-----78----	5
MEC201	50V	06		Đại cương về kỹ thuật	12610	Lý Việt Anh	111109751 ...	5	4	-----78----	7
MEC201	50V	05		Đại cương về kỹ thuật	12610	Lý Việt Anh	111109751 ...	5	4	-----78----	7
FIM501	49M	05		Quản trị doanh nghiệp CN	92110	Vũ Hồng Vân	111113571 ...	150	5	12-----	8
FIM501	49M	14		Quản trị doanh nghiệp CN	92110	Vũ Hồng Vân	111113571 ...	150	5	12-----	7
MEC201	48V	02	1	Đại cương về kỹ thuật	12601	Vũ Ngọc Pi	111112751 ...	90	5	12-----	5 7 9 1 3
BAS114	50N	04		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	111109116 ...	5	5	12-----	6
BAS114	50N	02		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70906	Lương Thị Thu Trang	111109116 ...	5	5	12-----	6
TEE203	49M	11		Lập trình trong kỹ thuật	42109	Trần Thị Thanh	111113571 ...	150	5	--34-----	7
FIM330	48V	01	1	Luật kinh doanh	92307	Ngô T. Hồng ánh	111112751 ...	90	5	--34-----	5678901234
FIM207	50X	01		Pháp luật đại cương	PTT3	Dương Thị Thủy Linh	112114181 ...	0	5	--34-----	6
ELE502	46Q	03		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	5	----56----	1
ELE502	46Q	01		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	5	----56----	5
ELE502	46Q	02		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	5	----56----	6
ELE502	46Q	08		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	5	----56----	78
ELE502	46Q	07		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	5	----56----	6
ELE502	46Q	10		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	5	----56----	0
ELE502	46Q	12		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	5	----56----	34
TEES45	46Z	04		Giới thiệu về thiết kế VLSI	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111110531	80	5	-----78----	0
FIM301	47B	04		Các quá trình sản xuất cơ bản	70210	Nguyễn Thị Hằng	111111301	80	5	-----78----	4
PED101	50Q1	03		Logic	50109	Nguyễn Thị Linh	111109416	5	5	-----78----	6
MEC201	50Q			Đại cương về kỹ thuật	10102	Dương Phạm Tường Minh	111109414 ...	5	6	12-----	5 7
FIM216	49H1	11		LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113752	80	6	12-----	4 6
FIM216	49H1	01		LT tài chính tiền tệ	92301	Nguyễn Trường Giang	111113752	80	6	12-----	3 6
BAS205	49O1	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70016	Nguyễn Thị Huệ	111113453	85	6	12-----	5
MEC201	50Q	05		Đại cương về kỹ thuật	10102	Dương Phạm Tường Minh	111109414 ...	5	6	12-----	9 1
MEC201	50Q	03		Đại cương về kỹ thuật	10102	Dương Phạm Tường Minh	111109414 ...	5	6	12-----	8
MEC201	50Q	06		Đại cương về kỹ thuật	10102	Dương Phạm Tường Minh	111109414 ...	5	6	12-----	0 2
FIM101	49A	03		Môi trường và Con người	70210	Nguyễn Thị Hằng	111113101 ...	150	6	--34-----	5
MEC204	49F	06		Cơ kỹ thuật 1	10116	Lê Quang Duy	111113201	85	6	--34-----	5 7
FIM501	49M	01		Quản trị doanh nghiệp CN	92110	Vũ Hồng Vân	111113571 ...	150	6	--34-----	3
FIM207	49M	05		Pháp luật đại cương	70906	Lương Thị Thu Trang	111113571 ...	150	6	--34-----	8
FIM207	49M	10		Pháp luật đại cương	70906	Lương Thị Thu Trang	111113571 ...	150	6	--34-----	3
FIM207	49M	09		Pháp luật đại cương	70906	Lương Thị Thu Trang	111113571 ...	150	6	--34-----	2
FIM101	50N	12		Môi trường và Con người	11012	Hoàng Thị Kim Dung	111109116 ...	5	6	--34-----	1
FIM101	50N	06		Môi trường và Con người	11012	Hoàng Thị Kim Dung	111109116 ...	5	6	--34-----	9
FIM101	50N	03		Môi trường và Con người	11012	Hoàng Thị Kim Dung	111109116 ...	5	6	--34-----	6
FIM101	50N	07		Môi trường và Con người	11012	Hoàng Thị Kim Dung	111109116 ...	5	6	--34-----	0
BAS114	50P	02		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nường	111109412 ...	5	6	--34-----	7
FIM499	47D	10		Đấu thầu	92106	Lương Mai Uyên	111111731	90	6	-----78----	5

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
FIM499	47D	03		Đấu thầu	92106	Lương Mai Uyên	111111731	90	6	-----78----	9
MEC201	50P			Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	7	--34-----	6
MEC201	50P	07		Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	7	--34-----	2
MEC201	50P	05		Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	7	--34-----	4

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo



Thời Khóa Biểu Phòng
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A16-402 (Sức Chứa: 100)**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CGBD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
ELE550	46H	02		Điều khiển số truyền động điện	20222	Trương Thị Quỳnh Như	111109415	90	3	12-----	6
ELE550	46H	05		Điều khiển số truyền động điện	20222	Trương Thị Quỳnh Như	111109415	90	3	12-----	789012
ELE529	46H	04		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111109415	95	3	12-----	34
FIM207	K1DT	10	1	Pháp luật đại cương	92307	Ngô T. Hồng ánh	112113471 ...	140	3	12-----	7
ELE547	46M1	02		Tổng hợp hệ điện cơ	20207	Dương Quốc Tuấn	111110412	90	3	--34-----	78901234567
ELE525	46N1	08		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	3	----56-----	3
ELE525	46N1	03		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	3	----56-----	8
ELE502	46Q	07		Bảo vệ rơ le	20010	Nguyễn Duy Trường	111110421	90	3	----56-----	6
TEE520	46R	10		Các hệ thống Điện tử điện hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	3	----56-----	4
TEE520	46R	03		Các hệ thống Điện tử điện hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	3	----56-----	6
BAS112	50X	01		Vật lý II	70109	Đông Thị Linh	112114471	0	3	----56-----	7
ELE403	K1DT	04		Vật liệu- khí cụ điện	20500	Nguyễn Quốc Hiệu	112113471 ...	85	3	----56-----	1
BAS108	50X	07		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114471	0	3	-----78----	8
BAS108	50X	03		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114471	0	3	-----78----	7
ELE403	K1DT	05		Vật liệu- khí cụ điện	20500	Nguyễn Quốc Hiệu	112113471 ...	85	3	-----78----	2
ELE402	K1DT	02		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	3	-----78----	0
ELE402	K1DT	08		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	3	-----78----	6
FIM207	K1DT		1	Pháp luật đại cương	92307	Ngô T. Hồng ánh	112113471 ...	140	4	12-----	6
FIM214	48V	10	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	4	12-----	0 2
FIM207	K1DT	01	1	Pháp luật đại cương	92307	Ngô T. Hồng ánh	112113471 ...	140	4	12-----	6
ELE547	46M	03		Tổng hợp hệ điện cơ	20231	Trần Thị Hải Yến	111110411	90	4	--34-----	78901234567
FIM516	46A	10		Kết cấu thép 2	90905	Dương Việt Hà	111110201	100	4	----56-----	3
BAS205	49B1	05		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	4	----56-----	0
BAS205	49B1	06		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	4	----56-----	7
BAS205	49B1	01		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	4	----56-----	5
BAS205	49B1	09		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	4	----56-----	1
BAS205	49B1	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	4	----56-----	4
BAS205	49B1	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70011	Vũ Hồng Quân	111113104	85	4	----56-----	2
TEE207	K1DT	08		Tính toán kỹ thuật	42107	Đặng Thị Hiền	112113471 ...	85	4	----56-----	6
ELE525	46N1	09		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	4	-----78----	4
ELE525	46N1	05		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	4	-----78----	0

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
BAS205	490	03		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113452	85	4	-----78----	6
BAS205	490	12		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113452	85	4	-----78----	5
BAS108	50X	09		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114471	0	4	-----78----	2
ELE414	K1DT	04		Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	4	-----78----	8
ELE414	K1DT	02		Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	4	-----78----	7
ELE414	K1DT	05		Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	4	-----78----	1
ELE414	K1DT	09		Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	4	-----78----	6
ELE529	46M	05		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111110411 ...	95	5	12-----	4
BAS111	50X1	01		Vật lý I	70114	Nguyễn Thị Thu Hoàn	112114171 ...	0	5	12-----	0
BAS111	50X1	08		Vật lý I	70114	Nguyễn Thị Thu Hoàn	112114171 ...	0	5	12-----	6
FIM207	K1DT	07	1	Pháp luật đại cương	92307	Ngô T. Hồng ánh	112113471 ...	140	5	12-----	3
ELE308	48H	13		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	5	--34-----	4
ELE308	48H	09		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	5	--34-----	0
ELE308	48H	03		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	5	--34-----	5
ELE308	48H	10		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	5	--34-----	1
ELE308	48H	07		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	5	--34-----	7
ELE529	46H	06		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111109415	95	5	--34-----	89
ELE529	46H	03		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111109415	95	5	--34-----	67
BAS108	50X1	06		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114171 ...	0	5	--34-----	3
BAS108	50X	08		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114471	0	5	----56-----	1
BAS108	50X	05		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114471	0	5	----56-----	3
TEE408	K1DT	05		Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	112113471 ...	85	5	----56-----	2
ELE550	46N1	02		Điều khiển số truyền động điện	20230	Nguyễn Ngọc Kiên	111110414	90	5	-----78----	67
ELE403	K1DT	03		Vật liệu- khí cụ điện	20500	Nguyễn Quốc Hiệu	112113471 ...	85	5	-----78----	0
ELE403	K1DT	01		Vật liệu- khí cụ điện	20500	Nguyễn Quốc Hiệu	112113471 ...	85	5	-----78----	8
ELE403	K1DT	05		Vật liệu- khí cụ điện	20500	Nguyễn Quốc Hiệu	112113471 ...	85	5	-----78----	2
TEE542	46Z	06		Các mô hình máy tính thể hệ mới	40306	Phùng Thị Thu Hiền	111110531	80	6	12-----	2
BAS108	50X1	05		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114171 ...	0	6	--34-----	2
ELE402	K1DT	01		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	6	----56-----	7
ELE402	K1DT	05		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	6	----56-----	2
ELE529	46N	15		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111110413 ...	95	6	-----78----	5
BAS108	50X	05		Toán 1(Đại số tuyến tính)	70022	Phạm Thị Thu	112114471	0	6	-----78----	3
ELE414	K1DT	05		Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	6	-----78----	1

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo



Thời Khóa Biểu Phòng
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A16-403 (Sức Chứa: 100)**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THP	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
ELE547	46M	03		Tổng hợp hệ điện cơ	20231	Trần Thị Hải Yến	111110411	90	3	12-----	78901234567
BAS114	50A	09		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70902	Nguyễn Thị Thu Thủy	111107112 ...	5	3	--34-----	5
ELE525	46N1	10		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	3	----56-----	5
ELE525	46N1	09		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	3	----56-----	4
ELE525	46N1	06		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	3	----56-----	1
ELE525	46N1	11		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	3	----56-----	67
ELE525	46N1	07		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	3	----56-----	2
ELE525	46N1	05		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	3	----56-----	0
ELE525	46N1	04		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	3	----56-----	9
ELE403	K1DT	02		Vật liệu- khí cụ điện	20500	Nguyễn Quốc Hiệu	112113471 ...	85	3	----56-----	7
ELE402	K1DT	01		Điện tử công suất	20204	Trần Xuân Minh	112113471 ...	85	3	-----78----	7
ELE547	46M1	02		Tổng hợp hệ điện cơ	20207	Dương Quốc Tuấn	111110412	90	4	12-----	78901234567
ELE308	48H	08		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	4	--34-----	8
BAS112	50X			Vật lý II	70109	Đông Thị Linh	112114471	0	4	----56-----	6
BAS205	49N1	10		Toán 3 (Giải tích 2)	70018	Nguyễn Thị Minh Ngọc	111113451	85	4	----56-----	6
BAS112	50X	02		Vật lý II	70109	Đông Thị Linh	112114471	0	4	----56-----	8
TEE207	K1DT	07		Tính toán kỹ thuật	42107	Đặng Thị Hiền	112113471 ...	85	4	----56-----	4
TEE207	K1DT	06		Tính toán kỹ thuật	42107	Đặng Thị Hiền	112113471 ...	85	4	----56-----	3
ELE525	46N1	06		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	4	-----78----	1
ELE525	46N1	11		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	4	-----78----	67
ELE525	46N1	03		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	4	-----78----	8
BAS205	49I	04		Toán 3 (Giải tích 2)	70010	Nguyễn T. Xuân Mai	111113461	85	4	-----78----	5
ELE414	K1DT	06		Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	4	-----78----	23
ELE414	K1DT	07		Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	4	-----78----	4
ELE550	46M	05		Điều khiển số truyền động điện	20222	Trương Thị Quỳnh Như	111110411	90	5	12-----	789012

Thời Khóa Biểu Phòng

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
ELE550	46M	04		Điều khiển số truyền động điện	20222	Trương Thị Quỳnh Như	111110411	90	5	12-----	67
ELE529	46M	07		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111110411 ...	95	5	12-----	3
ELE308	48H	08		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	5	--34-----	8
ELE308	48H	02		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	5	--34-----	67
ELE529	46H	04		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111109415	95	5	--34-----	34
ELE529	46H	05		Tự động hóa quá trình sản xuất	20213	Đinh Văn Nghiệp	111109415	95	5	--34-----	7 012
TEE408	K1DT	04		Vi xử lý – Vi điều khiển	42106	Đỗ Duy Cốp	112113471 ...	85	5	----56-----	1
BAS114	50D			Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nương	111107131 ...	5	5	-----78---	67
ELE550	46N1	03		Điều khiển số truyền động điện	20230	Nguyễn Ngọc Kiên	111110414	90	5	-----78---	78901234
FIM214	48V	07	1	Toán kinh tế	92207	Nguyễn Thị Hồng	111112751 ...	120	6	--34-----	3
BAS111	50X1	03		Vật lý I	70114	Nguyễn Thị Thu Hoàn	112114171 ...	0	6	--34-----	8
ELE414	K1DT	06		Hệ thống cung cấp điện	20015	Nguyễn Hiền Trung	112113471 ...	85	6	-----78---	23

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo



Thời Khóa Biểu Phòng
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A16-501 (Sức Chứa: 200)**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THP	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học
											12345678901234567890
BAS114	50P	06		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nường	111109412 ...	5	3	--34-----	2
BAS114	50E	03	1	Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70911	Hoàngthị Hải Yến	111107414 ...	0	4	12-----	8
MEC201	50P	10		Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	4	--34-----	6
BAS114	50Q	06		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70914	Dương Thị Nhấn	111109414 ...	5	4	--34-----	3
BAS114	50Q	07		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70914	Dương Thị Nhấn	111109414 ...	5	4	--34-----	4
BAS114	50Q	05		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70914	Dương Thị Nhấn	111109414 ...	5	4	--34-----	1
BAS114	50Q	04		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70914	Dương Thị Nhấn	111109414 ...	5	4	--34-----	0
BAS114	50Q	11		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70914	Dương Thị Nhấn	111109414 ...	5	4	--34-----	8 9
BAS114	50Q	12		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70914	Dương Thị Nhấn	111109414 ...	5	4	--34-----	2
BAS114	50Q	02		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70914	Dương Thị Nhấn	111109414 ...	5	4	--34-----	6
BAS114	50Q	03		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70914	Dương Thị Nhấn	111109414 ...	5	4	--34-----	7
ELE535	46P	03		Máy điện trong điều khiển tự động	20500	Nguyễn Quốc Hiệu	111110441	80	4	----5678---	5
ELE535	46P	02		Máy điện trong điều khiển tự động	20500	Nguyễn Quốc Hiệu	111110441	80	4	----5678---	4
FIM301	47B	06		Các quá trình sản xuất cơ bản	70210	Nguyễn Thị Hằng	111111301	80	5	-----78---	6
MEC201	50P	10		Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	6	12-----	6
MEC201	50P	05		Đại cương về kỹ thuật	12606	Nguyễn Hoàng Nghị	111109412 ...	5	6	12-----	4
MEC201	50Q	01		Đại cương về kỹ thuật	10102	Dương Phạm Tường Minh	111109414 ...	5	6	12-----	6
MEC201	50Q	09		Đại cương về kỹ thuật	10102	Dương Phạm Tường Minh	111109414 ...	5	6	12-----	5
BAS114	50E	04	1	Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70911	Hoàngthị Hải Yến	111107414 ...	0	6	12-----	0 1
BAS114	50P	09		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nường	111109412 ...	5	6	--34-----	3
BAS114	50P	12		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nường	111109412 ...	5	6	--34-----	5
BAS114	50P	08		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nường	111109412 ...	5	6	--34-----	2
BAS114	50P	03		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nường	111109412 ...	5	6	--34-----	8
BAS114	50P	10		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nường	111109412 ...	5	6	--34-----	4

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo



Thời Khóa Biểu Phòng
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A16-502 (Sức Chứa: 100)**

Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)

Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.

Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
ELE525	46N1	02		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	3	----56-----	7
TEE520	46R	08		Các hệ thống Điện tử điển hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	3	----56-----	2
TEE520	46R	12		Các hệ thống Điện tử điển hình	40009	Nguyễn Duy Cường	111110521	120	3	----56-----	6
BAS114	50D			Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nường	111107131 ...	5	4	-----78----	67
BAS114	50D	02		Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70917	Nguyễn Thị Nường	111107131 ...	5	4	-----78----	78 012345 890
ELE308	48H	12		Lý thuyết điều khiển tự động	20229	Đỗ Trung Hải	111112404	80	5	--34-----	3

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo



Thời Khóa Biểu Phòng
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A16-503 (Sức Chứa: 100)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
ELE535	46P	04		Máy điện trong điều khiển tự động	20500	Nguyễn Quốc Hiệu	111110441	80	4	----5678---	6
ELE525	46N1	10		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	4	-----78---	5
ELE525	46N1	07		Trang bị Điện cho các máy công nghiệp	20216	Trần Ngọc ánh	111110414	85	4	-----78---	2

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo



Thời Khóa Biểu Phòng
Học Kỳ 1 - Năm Học 14-15

Phòng **A16-601 (Sức Chứa: 200)**
Ngày Bắt Đầu Học Kỳ 11/08/14 (Tuần 1)
Lưu ý: Mỗi ký tự của dãy 12345678901234567... (trong tuần học) diễn tả cho 1 tuần lễ.
Ký tự 1 đầu tiên diễn tả tuần thứ nhất của học kỳ (tuần 1). Các ký tự 1 kế tiếp (nếu có) diễn tả tuần thứ 11, 21 của học kỳ.

Mã MH	Nhóm	THp	NL	Tên môn học	CBGD	Họ tên CBGD	Lớp	Sĩ số SV	Thứ	Tiết Học	Tuần Học 12345678901234567890
BAS114	50E		1	Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70911	Hoàngthị Hải Yến	111107414 ...	0	4	12-----	7
BAS114	50E	05	1	Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70911	Hoàngthị Hải Yến	111107414 ...	0	6	12-----	234
BAS114	50E	06	1	Những NLCB của CN Mác-lênin(HP I)	70911	Hoàngthị Hải Yến	111107414 ...	0	6	12-----	56

NGƯỜI LẬP BIỂU

Ngày 04 tháng 11 năm 2014
T/L HIỆU TRƯỞNG
P. Trưởng phòng Đào Tạo